

PHỤ LỤC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số 1632/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Đồng Hới, ngày 16 tháng 7 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giới thiệu địa điểm sử dụng đất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét hồ sơ xin giới thiệu địa điểm sử dụng đất để lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 269 /TTr-TNMT ngày 13 tháng 7 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giới thiệu địa điểm sử dụng đất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để lập quy hoạch chi tiết xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ với nội dung chính sau:

Vị trí: Tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Phía Đông Bắc giáp đường giao thông, cách tìm đường 50,0 m;
- Phía Đông Nam giáp Khu dân cư;
- Phía Tây Bắc giáp Khu dân cư;
- Phía Tây Nam giáp sông Nhật Lệ.

(Có sơ đồ giới thiệu địa điểm kèm theo).

Loại đất: Đất nông nghiệp.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được phép tiến hành điều tra, khảo sát và lập quy hoạch chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

UBND thành phố Đồng Hới, UBND xã Bảo Ninh có trách nhiệm tạo điều kiện để cho đơn vị được giới thiệu địa điểm hoàn thành công tác lập quy hoạch chuẩn bị đầu tư.

Quyết định này có giá trị trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký và không thay thế Quyết định giao đất.

(Chữ ký)



26/7

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới; Chủ tịch UBND xã Bảo Ninh; Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CV TNMT.

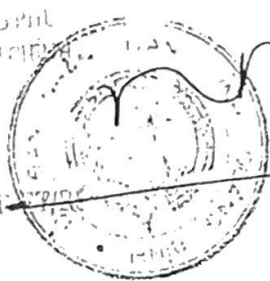
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUANG PHÚ
HÌNH THỨC BAN SÀI ĐÌNH VÀ BÀN ĐIỀU

Ngày 16/07/2016

Số 8995/QĐ-UBND ngày 02/07/2016

(Handwritten signature)

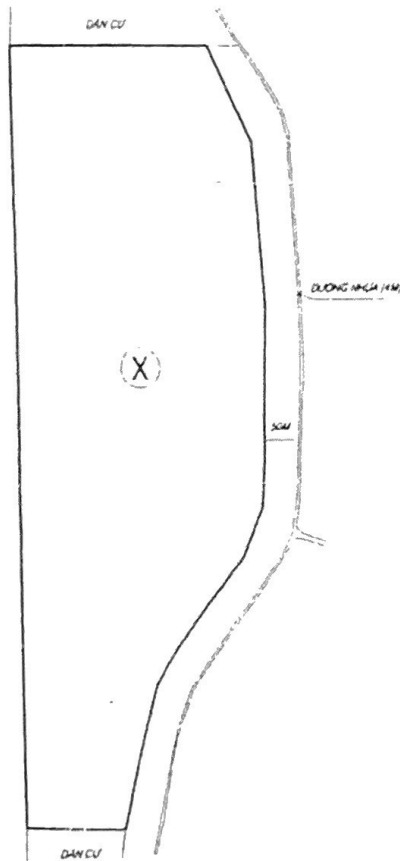


Nguyễn Hữu Hoài

21 22

SƠ ĐỒ GIỚI THIỆU ĐỊA ĐIỂM ĐỂ LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG
 KHU NEO ĐÀU TRÁNH TRỦ BẢO CHO TÀU CÁ NHẬT LỆ
 TẠI THÔN CỬA PHỦ, XÃ BẢO NINH, THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Địa điểm xây dựng được đánh dấu X
 (Kèm theo Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2010)



Ngày 11 tháng 7 năm 2010	Ngày 11 tháng 7 năm 2010	Ngày 13 tháng 7 năm 2010	Ngày 16 tháng 7 năm 2010
NGƯỜI VẼ	GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THÔNG TIN TN&MT	GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	TM. UBND TỈNH QUẢNG BÌNH CHỦ TỊCH
LUU THỊ HOÀI GIANG	NGUYỄN THANH MAI	NGUYỄN XUÂN TUYẾN	NGUYỄN HỮU HOÀI

Số: 3094/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 28 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án:
Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Xét Biên bản Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, tỉnh Quảng Bình của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình, họp ngày 14 tháng 10 năm 2011;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, tỉnh Quảng Bình đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 157/CV-DA ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại công văn số: 978/TNMT-CCMT ngày 21 tháng 11 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, tỉnh Quảng Bình của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

1.1. Phạm vi dự án: gồm 02 vị trí

* Vị trí 01 (Khu neo đậu Cửa Phú): Nằm trên bờ hữu sông Nhật Lệ, thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới.

- Phía Đông Bắc giáp đường giao thông, cách tim đường 50m;

- Phía Đông Nam giáp khu dân cư;
- Phía Tây Bắc giáp khu dân cư;
- Phía Tây Nam giáp sông Nhật Lệ.

* Vị trí 02 (Khu neo đậu Hói Chợ Gộ): Tại khu vực Hói Chợ Gộ, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh.

- Phía Bắc giáp đất mặt nước chuyên dùng;
- Phía Nam giáp đất nuôi trồng thủy sản;
- Phía Đông giáp sông Nhật Lệ;
- Phía Tây giáp đất khu dân cư.

1.2. Quy mô của dự án:

* Khu neo đậu Cửa Phú:

Tổng diện tích đất quy hoạch 27,08 ha (diện tích trên đất 11,62 ha và diện tích mặt nước 15,46 ha); đáp ứng neo đậu cho 340 tàu, thuyền có công suất đến 300CV.

* Khu neo đậu Hói Chợ Gộ:

Tổng diện tích đất quy hoạch 8,2 ha (diện tích trên đất 2,67 ha và diện tích mặt nước 5,44 ha); đáp ứng neo đậu cho 150 tàu, thuyền có công suất đến 90CV.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Các yêu cầu về thiết kế, xây dựng và hoạt động của dự án phải căn cứ đặc điểm tự nhiên của khu vực, tuân theo các quy định của Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường. Thực hiện đầy đủ nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Việc xây dựng các khu neo đậu phải theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Trong quá trình triển khai thi công dự án, nếu phát hiện có dấu hiệu xói lở bất thường, phải ngừng ngay việc thi công và kịp thời báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để tiến hành kiểm tra; chỉ được tiếp tục triển khai dự án khi có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

2.3. Trong quá trình thi công áp dụng các biện pháp giảm thiểu hợp lý về bụi, độ ồn, chất thải xây dựng để không ảnh hưởng đến mỹ quan và gây ô nhiễm môi trường khu vực.

2.4. Áp dụng các giải pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp, không thi công vào mùa mưa lũ để giảm thiểu khả năng xói lở, bồi lấp ở những khu vực diễn ra các hoạt động đào đắp, thi công, gây ô nhiễm môi trường sông Nhật Lệ và sông Vĩnh Tuy.

2.5. Trong quá trình hoạt động của dự án, rác thải phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định; rác thải từ các tàu, thuyền vào neo đậu phải vận chuyển lên bờ để xử lý, nghiêm cấm việc vứt rác xuống sông.

2.6. Các tàu, thuyền vào neo đậu không được xả nước thải trực tiếp xuống sông nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường sông Nhật Lệ và sông Vĩnh Tuy.

2.7. Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động dự án phải được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.8. Xác định cụ thể vị trí đồ bùn thải nạo vét trong quá trình thi công dự án đảm bảo môi trường và phải được sự đồng ý của chính quyền địa phương.

2.9. Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện dự án về các loại chất thải, công nghệ xử lý, thông số tiêu chuẩn về chất thải, các giải pháp bảo vệ môi trường để cộng đồng dân cư biết, kiểm tra và giám sát.

2.10. Báo cáo UBND thành phố Đồng Hới và UBND huyện Quảng Ninh về nội dung Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Lập và niêm yết bản tóm tắt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại trụ sở UBND xã Bảo Ninh và UBND xã Vĩnh Ninh.

2.11. Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Giải quyết thỏa đáng việc bồi thường thiệt hại và đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước về bồi thường khi giải phóng mặt bằng.

3.2. Có biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường sông, đường bộ trong quá trình thi công dự án.

3.3. Tổ chức thực hiện công tác rà phá bom mìn trên toàn bộ phạm vi dự án trước khi thi công để phát hiện, xử lý kịp thời, đảm bảo an toàn trong quá trình thi công dự án.

3.4. Phối hợp với các dự án khác có liên quan để thống nhất phương án thi công, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận hiện có trong quá trình thi công dự án.

3.5. Xây dựng quy chế hoạt động, vận hành khu neo đậu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 2. Chủ dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng dự án; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới, Chủ tịch UBND huyện Quảng Ninh, Chủ tịch UBND xã Bảo Ninh, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Ninh và Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Lưu VP, CVTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Quang
Nguyễn Xuân Quang

Số: 3044 /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 15 tháng 11 năm 2011.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu
Tránh, trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh,
thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét Tờ trình số 1923/TTr-SNN ngày 28/10/2011 của Sở Nông nghiệp và phát triển
Nông Thôn và Báo cáo thẩm định của Sở Xây dựng số 1061/BC-SXD ngày 08/11/2011
về Quy hoạch chi tiết khu vực xây Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn
Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu
tránh, trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng
Hới, tỷ lệ 1/2000 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết khu vực xây Khu neo đậu tránh trú bão
cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ
1/2000.

2. Ranh giới khu vực quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch có diện tích khoảng
404.340m², thuộc thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới. Vị trí tương
đối như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đường Nguyễn Thị Định;
- Phía Đông Nam giáp khu dân cư;
- Phía Tây Bắc giáp khu dân cư;
- Phía Tây Nam giáp sông Nhật Lệ.

3. Tính chất: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu chức năng)
khu vực xây dựng khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá, đồng thời kết hợp bố trí
các chức năng dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ cho việc phát triển kinh tế biển.

4. Quy hoạch sử dụng đất

4.1. Phân khu chức năng:

- Lô A1: có vị trí tiếp giáp với bờ sông Nhật Lệ bố trí âu thuyền neo đậu cho
khoảng 300 - 350 tàu, thuyền đánh cá;
- Lô đất A2: quy hoạch xây dựng nhà điều hành, khu nhà ở cho thuyền viên và
các công trình phụ trợ có liên quan;
- Lô đất A3: Quy hoạch xây dựng các trạm cấp nước ngọt, trạm cấp xăng dầu,
nhà máy sản xuất nước đá;

(Chữ ký)

- Lô đất A4: Quy hoạch xây dựng chợ cá, sân bãi tập kết và khu sơ chế sản phẩm hải sản;
- Lô đất A5: Quy hoạch xây dựng các kho bảo quản đông lạnh và các công trình phụ trợ, hậu cần nghề cá;
- Lô đất A6, A7: Quy hoạch các khu dịch vụ nghề cá như sửa chữa và mua bán ngư lưới cụ, các mặt hàng phục vụ đánh bắt xa bờ và lưu trú tránh bão;
- Lô B1- B4; Quy hoạch trồng cây xanh cách ly đảm bảo khoảng cách an toàn và vệ sinh môi trường, kết hợp bố trí một số điểm đỗ xe trong khu cây xanh.
- Lô đất C (khu dân cư hiện có) trước mắt vẫn giữ nguyên và hạn chế phát triển thêm;
- Lô đất D quy hoạch xây dựng khu sửa chữa và đóng mới tàu, thuyền gỗ.

4.2. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất trong phạm vi ranh giới lập quy hoạch là 404.340 m², trong đó:

- Đất xây dựng khu neo đậu:	298.218 m ² ;
bao gồm:	
+ Khu neo đậu (mặt nước):	147.789 m ² ;
+ Khu điều hành quản lý và nhà ở cho tuyến viên:	8.770 m ² ;
+ Khu dịch vụ hậu cần nghề cá giai đoạn I:	11.099 m ² ;
+ Khu dịch vụ hậu cần nghề cá giai đoạn II:	74.233 m ² ;
+ Đất giao thông nội bộ, đê kè bảo vệ:	56.327 m ²
- Đất cây xanh cách ly kết hợp bãi đỗ xe :	39.285 m ² ;
- Đất xây dựng khu sửa chữa, đóng mới tàu, thuyền gỗ:	16.106 m ² ;
- Đất ở hiện có	12.181 m ² ;
- Đất giao thông:	38.550 m ² .

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng: Bố trí âu thuyền neo đậu tại khu vực địa hình tự nhiên có cao trình từ +0,1 đến +8m, bằng cách đào nền cát để tạo thành âu thuyền với diện tích khoảng 147.789 m²; khu vực có cốt cao độ từ 8m - 20m được san hạ để tạo thành các khu dịch vụ hỗ trợ, khu vực này được thiết kế thành nhiều cấp để hạn chế khối lượng đào nền.

5.2. Quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được kết nối với bên ngoài thông qua tuyến đường Nguyễn Thị Định (quy hoạch nền đường rộng 15m); đường nối từ xã Võ Ninh đi Mỹ Cảnh (quy hoạch nền đường rộng 36m) và đường ven sông Nhật Lệ (quy hoạch nền đường rộng 26m).

- Giao thông đối nội: Hệ thống giao thông nội bộ trong khu neo đậu được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị; các thông số kỹ thuật được xác định theo loại đường nội bộ, mặt đường thiết kế cho hai làn xe ô tô rộng 7,0m, lề đường thiết kế kết hợp với hệ thống sân bãi, hành lang cây xanh

- Quy hoạch 02 tuyến đường bao phía Nam và phía Bắc khu neo đậu với bề rộng nền đường 10,5m và 15m nhằm đảm bảo đi lại thuận lợi cho khu dân cư lân cận.

5.3. Quy hoạch thoát nước

- Nước mưa trong khu vực quy hoạch được tổ chức thu gom theo hệ thống thoát nước riêng để thoát ra sông Nhật Lệ.

- Phía Nam khu neo đậu, quy hoạch xây dựng công thoát nước trên đường 36m và khơi thông khe cạn để đảm bảo thoát nước cho khu vực Phía Đông đường Nguyễn Thị Định về sông Nhật Lệ.

5.4. **Quy hoạch cấp nước:** Trước mắt sử dụng nước giếng khoan để cấp nước cho khu neo đậu, khu hậu cần nghề cá. Về lâu dài sẽ xây dựng tuyến đường ống cấp nước D150 đi dọc theo đường Nguyễn Thị Định để cấp nước cho khu dân cư và Khu neo đậu tàu cá.

5.5. **Quy hoạch cấp điện:** Quy hoạch xây dựng tuyến đường dây 22KV nối tiếp từ lưới điện hiện có trên đường Nguyễn Thị Định vào khu neo đậu. Lắp đặt trạm biến áp 22/0,4KV với công suất phù hợp để cấp điện cho các công trình công cộng, chiếu sáng trong khu vực. Các khu chức năng khác như khu sửa chữa, đóng mới tàu thuyền gỗ, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, khu kho đông lạnh... sẽ được đầu tư trạm biến áp có quy mô phù hợp với nhu cầu đầu tư trong khu vực.

5.6. **Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:** Trước mắt, nước thải sinh hoạt tại các khu nhà ở, khu hành chính, khu dịch vụ... được thu gom để xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó mới dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực quy hoạch. Về lâu dài, khi có nhà máy xử lý nước thải tại khu vực Bảo Ninh thì toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải từ các khu dịch vụ phải được dẫn đến nhà máy để xử lý.

- Rác thải sinh hoạt phải được phân loại, thu gom, vận chuyển về bãi rác chung thành phố Đồng Hới để xử lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp với UBND thành phố Đồng Hới, UBND xã Bảo Ninh tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch, đồng thời tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu Tư; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới, Chủ tịch UBND xã Bảo Ninh và thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, CVXDCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Nguyễn Hữu Hoài

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2092/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 04 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét Tờ trình số 1139/TTr-SNN ngày 14/8/2013 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kèm theo hồ sơ trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1014/BC-SXD ngày 23/8/2013 về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000

2. Phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập điều chỉnh quy hoạch.

2.1. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch:

Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch thuộc thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đường Nguyễn Thị Định
- Phía Đông Nam giáp khu dân cư
- Phía Tây Bắc giáp khu dân cư
- Phía Tây Nam giáp sông Nhật Lệ

2.2. **Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch có diện tích 404 340 m².

3. **Tính chất của khu vực lập điều chỉnh quy hoạch:** Quy hoạch chi tiết 1/2000 (quy hoạch phân khu chức năng) khu vực xây dựng khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá, đồng thời kết hợp bố trí các chức năng dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ cho việc phát triển kinh tế biển.

4. Quy hoạch sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan

4.1. Quy hoạch sử dụng đất:

a. Phân khu chức năng:

Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch được chia làm 2 khu gồm: khu vực bên trong khu neo đậu và khu vực bên ngoài khu neo đậu, cụ thể:

- Khu vực bên trong khu neo đậu gồm: khu vực mặt nước và hệ thống đê, kè và trụ neo sử dụng cho việc neo đậu tàu, thuyền; khu điều hành - quản lý và nhà ở thuyền viên; khu dịch vụ hậu cần nghề cá và hệ thống đường giao thông nội bộ.

- Khu vực bên ngoài khu neo đậu gồm: khu đất cây xanh cách ly, đường dạo, bãi đỗ xe; khu vực đất dự phòng phát triển dịch vụ sửa chữa tàu cá; khu đất ở hiện có và khu vực mặt nước sông Nhật Lệ.

b. Quy hoạch sử dụng đất: Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch được nghiên cứu, tổ chức các khu chức năng sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ (%)	Tầng cao (tầng)
1	Khu mặt nước neo đậu	A1	108.624		
2	Khu điều hành, quản lý, nhà ở thuyền viên.	A2	8.575	30 - 70	2 - 4
3	Khu dịch vụ hậu cần nghề cá	A3	10.640	30 - 50	1 - 2
		A4	48.024	30 - 50	1 - 2
4	Đất cây xanh cách ly	B1	8.893		
		B2	5.872		
		B3	7.585		
5	Đất ở hiện có	C	12.181		
6	Đất dự phòng phát triển dịch vụ sửa chữa, đóng mới tàu cá.	D	93.995	30 - 50	2 - 4
7	Mặt nước sông Nhật Lệ	E	19.374		
8	Đường giao thông, đê kè		80.577		
9	Tổng diện tích		404.340		

4.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Khu A1: Quy hoạch âu thuyền neo đậu cho khoảng 250 tàu, thuyền.
- Khu A2: Quy hoạch xây dựng nhà điều hành, quản lý, nhà ở thuyền viên và các công trình phụ trợ liên quan với mật độ xây dựng từ 30÷70%, tầng cao từ 2÷4 tầng.
- Khu A3: Quy hoạch xây dựng các trạm cấp nước, cấp xăng dầu, nhà máy sản xuất đá lạnh, kho bảo quản đông lạnh và nhà tiếp nhận thủy hải sản với mật độ xây dựng từ 30÷50%, tầng cao từ 1÷2 tầng.
- Khu A4: Quy hoạch xây dựng chợ cá, các trạm cấp nước, cấp xăng dầu, nhà máy sản xuất đá lạnh, kho bảo quản đông lạnh và nhà tiếp nhận thủy hải sản với mật độ xây dựng từ 30÷50%, tầng cao từ 1÷2 tầng.
- Khu B1, B2, B3: Quy hoạch trồng cây xanh nhằm đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh môi trường và kết hợp bố trí một số điểm đỗ xe.
- Khu C: khu dân cư hiện có.
- Khu D: Đất dự phòng xây dựng khu dịch vụ sửa chữa, đóng mới tàu thuyền.
- Tổ chức trồng cây xanh trên vỉa hè, trong các khu đất kết hợp với dải cây xanh cách ly để cải thiện điều kiện khí hậu, tạo cảnh quan cho khu vực.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

Bố trí âu thuyền neo đậu tại khu vực có cao trình từ +0,1m đến +8m, bằng cách đào nền cát đến cao trình tính toán để tạo thành âu thuyền có mực nước phù hợp cho tàu thuyền ra vào, neo đậu. Các khu vực khác tổ chức san nền cục bộ theo từng khu chức năng đảm bảo phù hợp với địa hình.

5.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: khu neo đậu được kết nối với bên ngoài qua tuyến đường Nguyễn Thị Định ở phía Đông Bắc, đường quy hoạch rộng 36m ở phía Đông nối từ xã Bảo Ninh đến xã Võ Ninh và tuyến đường ven sông Nhật Lệ ở phía Tây Bắc.

- Giao thông đối nội: hệ thống giao thông nội bộ được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị có mặt cắt ngang tối thiểu 13m, mặt đường thiết kế hai làn xe ô tô (rộng $3,5m \times 2 = 7m$), vỉa hè kết hợp với hệ thống đê kè.

5.3. Cấp điện:

Xây dựng tuyến đường dây 22Kv đấu nối từ lưới điện hiện có trên đường Nguyễn Thị Định để cấp điện cho các khu chức năng trong khu vực quy hoạch. Xây dựng trạm biến áp 360KVA để cấp điện cho các công trình công cộng và chiếu sáng trong khu vực. Các khu chức năng khác (như: khu sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, khu dịch vụ hậu cần nghề cá ...) sẽ được xây dựng các trạm biến áp theo quy mô đầu tư của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu vực này.

5.4. Cấp nước:

- Dự kiến tổng nhu cầu dùng nước của khu vực quy hoạch là 2980m³/ngày đêm.

- Giải pháp cấp nước: trước mắt sử dụng giếng khoan để cấp nước cho khu neo đậu, khu hậu cần nghề cá. Về lâu dài xây dựng tuyến đường ống cấp nước D150 đi dọc theo đường Nguyễn Thị Định để cấp nước cho các khu chức năng của khu vực này.

5.5. Thoát nước mưa:

Nước mưa được thu gom vào các tuyến cống thoát nước được xây dựng tại vỉa hè các tuyến đường quy hoạch, sau đó tập trung đổ ra sông Nhật Lệ. Quy hoạch các tuyến cống có đường kính từ D600 đến D1000 đi ngầm dọc theo lề các tuyến đường, bố trí 02 cửa xả nước mưa tại hai tuyến đường bao phía Bắc và phía Nam khu neo đậu.

5.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Trước mắt, nước thải sinh hoạt của khu dân cư, các công trình công cộng và của các khu dịch vụ hậu cần nghề cá được thu gom để xử lý qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa. Về lâu dài, khi có nhà máy xử lý nước thải tại khu vực xã Bảo Ninh thì toàn bộ nước thải được thu gom bằng hệ thống thoát nước thải riêng để dẫn về nhà máy xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Chất thải rắn, rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom và vận chuyển về bãi rác chung của thành phố Đồng Hới.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND thành phố Đồng Hới, UBND xã Bảo Ninh tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch để các tổ chức cá nhân biết, thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông - Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới; Chủ tịch UBND xã Bảo Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LD VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVXDCB.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hoài

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **536** /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày **12** tháng **02** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khu vực các lô đất A4, B1, D và E thuộc đồ án “Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/2000”.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý quy hoạch xây dựng và cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung điều chỉnh xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch khu vực các lô đất A4, B1, D và E thuộc đồ án “Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/2000”;

Xét Tờ trình số 2947/TTr-SNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch khu vực các lô đất A4, B1, D và E thuộc đồ án “Điều chỉnh quy hoạch chi tiết

khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/2000”;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 260/BC-SXD ngày 19 tháng 01 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch khu vực các lô đất A4, B1, D và E thuộc đồ án “Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/2000”, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch.

Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch là khu vực các lô đất có ký hiệu A4, B1, D và E thuộc đồ án “Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/2000”, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Tây Bắc tiếp giáp khu neo đậu tàu cá Nhật Lệ;
- Phía Tây Nam giáp sông Nhật Lệ;
- Phía Đông Bắc giáp đường Nguyễn Thị Định;
- Phía Đông Nam giáp khu dân cư.

2. Quy mô đất đai: Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch có diện tích 168.659m².

3. Tính chất của khu vực lập quy hoạch.

Khu vực đã được định hướng quy hoạch với các chức năng là đất dịch vụ hậu cần nghề cá, đất dự phòng phát triển dịch vụ sửa chữa tàu cá, đất cây xanh cách ly và mặt nước sông Nhật Lệ, nay điều chỉnh quy hoạch nhằm bố trí các chức năng sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với việc xây dựng bổ sung Cảng cá Nhật Lệ.

4. Quy hoạch sử dụng đất.

Khu vực lập điều chỉnh quy hoạch bố trí các khu chức năng gồm: Dịch vụ hậu cần nghề cá; cửa hàng lưới ngư cụ và dịch vụ; xưởng sửa chữa đóng tàu; bãi đậu xe và tập kết hàng hoá; thương mại dịch vụ; cây xanh cách ly; cầu cảng và mặt nước neo đậu tàu; đường giao thông và đất hạ tầng kỹ thuật khác.

Bảng tổng hợp sử dụng đất:

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ (%)
1	A4.1	Dịch vụ hậu cần nghề cá	29.217	30-50	1-3	17,32
	A4.1.1		8.994			
	A4.1.2		8.295			
	A4.1.3		11.928			
2	B1.1	Cây xanh cách ly	8.442			5,01
3	D1.1	Cửa hàng lưới ngư cụ và dịch vụ	28.471	30-50	1-3	16,88
4	D1.2	Xưởng sửa chữa đóng tàu	11.816	30-50	1-3	7,01

5	D1.3	Bãi đậu xe và tập kết hàng hóa	13.879	≤ 30	1	8,23
	<i>D1.3.1</i>		8.469			
	<i>D1.3.2</i>		5.410			
6	A4.2	Thương mại dịch vụ	12.066	30-50	1-3	7,15
	<i>A4.2.1</i>		2.487			
	<i>A4.2.2</i>		2.963			
	<i>A4.2.3</i>		6.616			
7	E	Cầu cảng và mặt nước đậu tàu	46.850			27,78
8		Đất giao thông	17.918			10,62
9	Tổng cộng		168.659			100

5. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.

- Các khu dịch vụ hậu cần nghề cá bố trí tiếp giáp với khu neo đậu, trong các khu đất này tổ chức xây dựng công trình với mật độ xây dựng từ 30÷50%, tầng cao từ 1÷3 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m hoặc 7m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Các khu thương mại dịch vụ bố trí tiếp giáp với phía Bắc tuyến đường 22,5m và tiếp giáp với các khu dịch vụ hậu cần nghề cá, trong các khu đất này tổ chức xây dựng công trình với mật độ xây dựng từ 30÷50%, tầng cao từ 1÷3 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m hoặc 7m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Khu cửa hàng lưới ngư cụ và dịch vụ bố trí tiếp giáp với phía Nam tuyến đường 22,5m, trong khu đất này tổ chức xây dựng công trình với mật độ xây dựng từ 30÷50%, tầng cao từ 1÷3 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Khu xưởng sửa chữa đóng tàu bố trí tiếp giáp với sông Nhật Lệ ở khoảng giữa 02 cầu tàu, trong khu đất này tổ chức xây dựng công trình với mật độ xây dựng từ 30÷50%, tầng cao từ 1÷3 tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Các khu bãi đậu xe và tập kết hàng hóa bố trí tiếp giáp với sông Nhật Lệ và các tuyến đường ra cầu tàu, trong khu đất này tổ chức xây dựng công trình với mật độ xây dựng từ ≤30%, tầng cao từ 1tầng, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Trong khu cầu cảng và mặt nước đậu tàu bố trí 02 cầu tàu với chiều dài mỗi cầu là 150m, vị trí và chiều vươn ra sông của cầu tàu đảm bảo không lấn chiếm vào luồng đường thủy nội địa và được bố trí báo hiệu, phao giới hạn vùng nước theo quy định.

- Tổ chức trồng cây xanh trên vỉa hè, trong các khu đất kết hợp với dải cây xanh cách ly để cải thiện điều kiện khí hậu, tạo cảnh quan cho khu vực.

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

6.1. Giao thông:

- Quy hoạch tuyến đường rộng 22,5m nối đường Nguyễn Thị Định với cầu tàu (mặt đường rộng 10,5m; vỉa hè 2x6m), đoạn tiếp giáp với Âu thuyền rộng

LS

19,5m (mặt đường rộng 10,5m; vỉa hè phía Đông Nam rộng 6m vỉa hè phía Tây Bắc rộng 3m kết hợp với hệ thống kè.

- Các tuyến đường nội bộ quy hoạch rộng 15m, 13m và 11m.
- Mạng lưới đường giao thông trong khu vực quy hoạch được tổ chức theo dạng ô bàn cờ để kết nối thuận tiện các khu chức năng.

6.2. San nền: Khu vực điều chỉnh quy hoạch được san gạt trên toàn bộ diện tích, hướng san nền chủ yếu thấp dần từ Đông Bắc sang Tây Nam. Cao độ san nền trong các khu đất tương đương cao độ các tuyến đường tiếp giáp, cao độ nền tối đa là +5,69m, tối thiểu là +2,9m. Độ dốc thoát nước tối thiểu là 0,4%, hướng dốc của các khu đất hướng về các tuyến đường giao thông và sông Nhật Lệ.

6.3. Cấp điện: Nguồn điện cấp cho khu vực điều chỉnh quy hoạch đấu nối với lưới điện đã quy hoạch cho Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ. Từ điểm đấu nối bố trí truyền đường dây 22KV và 0,4KV đi dọc theo vỉa hè các tuyến đường để cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng cho các khu chức năng. Các khu chức năng như: khu sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, khu dịch vụ hậu cần nghề cá ... xây dựng các trạm biến áp riêng theo quy mô của các dự án đầu tư.

6.4. Cấp nước:

- Trước mắt sử dụng giếng khoan để cấp nước cho các khu chức năng trong khu vực quy hoạch.

- Về lâu dài, xây dựng tuyến đường ống cấp nước D150 đi dọc theo đường Nguyễn Thị Định để cấp nước đến khu vực quy hoạch. Trên đường ống D150 khởi thủy tại 02 điểm và xây dựng hệ thống cấp nước gồm các đường ống D100 và D50 đi dọc vỉa hè các tuyến đường để cấp nước đến các khu chức năng và cấp nước cứu hỏa. Các họng cứu hỏa bố trí trên đường ống cấp nước D100 tại vỉa hè các nút giao thông (ngã ba, ngã tư) để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới $\leq 150m$.

6.5. Thoát nước mưa.

Nước mưa của khu vực quy hoạch thu gom qua hệ thống giếng thu, hố ga và theo các tuyến cống bố trí dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông thoát ra sông Nhật Lệ qua 03 cửa xả. Hệ thống cống thoát nước mưa dùng loại cống buy li tâm BTCT đường kính từ D600 đến D800.

6.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

- Trước mắt, nước thải sinh hoạt từ các công trình được thu gom để xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn trước khi cho tự thấm vào đất; nước thải từ các khu dịch vụ hậu cần nghề cá, các điểm bán xăng dầu phải được xử lý đạt tiêu chuẩn phát thải theo quy định mới được thoát vào hệ thống thoát nước mưa.

- Về lâu dài, khi có nhà máy xử lý nước thải tại khu vực Bảo Ninh theo định hướng của đồ án quy hoạch chung, toàn bộ nước thải trong khu vực quy hoạch được thu gom bằng hệ thống ống thoát nước thải riêng D250 bố trí đi dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông dẫn về trạm bơm nâng cốt bố trí tại vỉa hè tuyến đường 22,5m sau đó bơm chuyển tiếp đến đường ống thoát nước thải chính trên đường Nguyễn Thị Định để dẫn đến nhà máy xử lý nước thải.

- Chất thải rắn, rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom vào các thùng rác bố trí cho từng khu chức năng và từng cụm công trình sau đó được đưa ra điểm tập kết rác thải bên ngoài khu vực quy hoạch theo quy định, từ đó sẽ được xe cơ giới thu gom, vận chuyển về khu xử lý rác thải tập trung tại xã Lý Trạch.

Điều 2. Ngoài các nội dung điều chỉnh trong phạm vi của đồ án quy hoạch này các nội dung khác thực hiện theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu vực xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/2000 được UBND tỉnh về việc Phê duyệt tại Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với UBND xã Bảo Ninh tổ chức công bố, công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch để các tổ chức cá nhân biết, thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài Chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND thành phố Đồng Hới, Chủ tịch UBND xã Bảo Ninh; Giám Đốc Cảng vụ Hàng hải Quảng Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVXDCB.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hoài

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
Số 949/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đồng Hới, ngày 24 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Cảng cá Nhật Lệ) tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/QĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 06/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 5822/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND thành phố Đồng Hới về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Cảng cá Nhật Lệ) tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND thành phố Đồng Hới về việc phê duyệt Điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Cảng cá Nhật Lệ) tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Tờ trình số 57/Tr-QLCC ngày 01 /3/2023 của Ban quản lý Cảng cá tỉnh Quảng Bình về việc thống nhất Hồ sơ thiết kế Quy hoạch chi tiết các khu



chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Cảng cá Nhật Lệ) tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Xét Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 26/12/2022 của Ban quản lý Cảng cá tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định và phê duyệt Quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Cảng cá Nhật Lệ) tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đô thị tại báo cáo kết quả thẩm định số 23/BC-QLĐT ngày 27 tháng 2 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Cảng cá Nhật Lệ) tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500 với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch chi tiết các khu chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Cảng cá Nhật Lệ) tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500

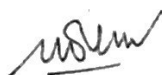
2. Vị trí, phạm vi ranh giới: Khu vực lập quy hoạch chi tiết các Khu chức năng thuộc khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/500 có ký hiệu A3; A4.1.1; A4.1.2; A4.1.3, phạm vi ranh giới được xác định như sau:

- Phía Tây Bắc giáp khu đất quy hoạch có kí hiệu A2.
- Phía Đông Nam giáp các khu đất có kí hiệu A4.2.1; A4.2.2; A4.2.3 và đường quy hoạch rộng 22,5m;
- Phía Tây Nam giáp khu vực bến cập tàu;
- Phía Đông Bắc giáp khu đất cây xanh cảnh quan có ký hiệu B1.1.

(Các lô đất có ký hiệu A3; A4.1.1; A4.1.2; A4.1.3; A2; A4.2.1; A4.2.2; A4.2.3 thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 20/8/2013).

3. Quy mô diện tích: 48.483,00 m².

4. Mục tiêu quy hoạch: Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu hậu cần nghề cá tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh nhằm phục vụ nhu cầu của nhân dân xã Bảo Ninh. Việc đầu tư xây dựng Khu hậu cần nghề cá sẽ thúc đẩy phát triển đánh bắt xa bờ, nâng cao sản lượng thủy sản và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Dự án đi vào hoạt động sẽ tạo ra nguồn thu, lợi nhuận tạo việc làm cho người dân địa phương và góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã Bảo Ninh nói riêng và thành phố



Đồng Hới nói chung.

5. Quy hoạch sử dụng đất:

Khu vực quy hoạch là khu tiếp nhận hải sản – chợ cá; các cửa hàng lưới ngư cụ, ki ốt, dịch vụ tổng hợp, vì vậy phải đảm bảo đủ diện tích đất xây dựng các khu nhà xưởng, nhà tiếp nhận, cửa hàng và các kho bãi, sân đường nội bộ, đất cây xanh và các công trình phụ trợ khác theo chủ trương đầu tư và nhu cầu xây dựng thực tế. Tỷ lệ các loại đất tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn đảm bảo kinh doanh thuận lợi, đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

Bảng tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xd tối đa (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD tối đa (lần)
Tổng diện tích khu đất lập quy hoạch			48.483,00	100,0%			
I.	Đất dịch vụ hậu cần nghề cá	A 4.1.2	8.295,00	17,1%			
1	Nhà tiếp nhận hải sản - chợ cá	1	663,0	1,4%	80	≤3	2.4
2	Kho đông lạnh	2	350,0	0,7%	80	≤3	2.4
3	Kho đông lạnh	3	350,0	0,7%	80	≤3	2.4
4	Kho đông lạnh	4	350,0	0,7%	80	≤3	2.4
5	Kho đông lạnh	5	350,0	0,7%	80	≤3	2.4
6	Kho đông lạnh	6	350,0	0,7%	80	≤3	2.4
7	Kho đông lạnh	7	350,0	0,7%	80	≤3	2.4
8	Kho đông lạnh	8	560,0	1,2%	80	≤3	2.4
9	Xưởng nước đá	9	300,0	0,6%	80	≤3	2.4
10	Xưởng nước đá	10	300,0	0,6%	80	≤3	2.4
11	Xưởng nước đá	11	300,0	0,6%	80	≤3	2.4
12	Xưởng nước đá	12	300,0	0,6%	80	≤3	2.4
13	Xưởng nước đá	13	300,0	0,6%	80	≤3	2.4
14	Xưởng nước đá	14	300,0	0,6%	80	≤3	2.4
15	Xưởng nước đá	15	467,0	1,0%	80	≤3	2.4
16	Đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe	BDX	2.553,0	5,3%			
17	Rãnh thoát nước		152,0	0,3%			
II.	Đất dịch vụ hậu cần nghề cá	A 4.1.3	11.928,00	24,6%			
1	Nhà tiếp nhận hải sản - chợ cá	1	663,0	1,4%	80	≤3	2.4
2	Kho đông lạnh	2	455,0	0,9%	80	≤3	2.4
3	Kho đông lạnh	3	350,0	0,7%	80	≤3	2.4
4	Kho đông lạnh	4	350,0	0,7%	80	≤3	2.4

UDEM

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xd tối đa (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD tối đa (lần)
5	Kho đông lạnh	5	350,0	0,7%	80	≤3	2,4
6	Kho đông lạnh	6	280,0	0,6%	80	≤3	2,4
7	Kho đông lạnh	7	280,0	0,6%	80	≤3	2,4
8	Kho đông lạnh	8	280,0	0,6%	80	≤3	2,4
9	Kho đông lạnh	9	280,0	0,6%	80	≤3	2,4
10	Kho đông lạnh	10	280,0	0,6%	80	≤3	2,4
11	Kho đông lạnh	11	280,0	0,6%	80	≤3	2,4
12	Kho đông lạnh	12	280,0	0,6%	80	≤3	2,4
13	Kho đông lạnh	13	455,0	0,9%	80	≤3	2,4
14	Xưởng nước đá	14	377,0	0,8%	80	≤3	2,4
15	Xưởng nước đá	15	300,0	0,6%	80	≤3	2,4
16	Xưởng nước đá	16	300,0	0,6%	80	≤3	2,4
17	Xưởng nước đá	17	300,0	0,6%	80	≤3	2,4
18	Xưởng nước đá	18	240,0	0,5%	80	≤3	2,4
19	Xưởng nước đá	19	240,0	0,5%	80	≤3	2,4
20	Xưởng nước đá	20	240,0	0,5%	80	≤3	2,4
21	Xưởng nước đá	21	240,0	0,5%	80	≤3	2,4
22	Xưởng nước đá	22	240,0	0,5%	80	≤3	2,4
23	Xưởng nước đá	23	240,0	0,5%	80	≤3	2,4
24	Xưởng nước đá	24	240,0	0,5%	80	≤3	2,4
25	Xưởng nước đá	25	378,0	0,8%	80	≤3	2,4
26	Đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe	BDX	3.786,0	7,8%			
27	Rãnh thoát nước		224,0	0,5%			
III.	Đất dịch vụ hậu cần nghề cá	A 4.1.1	8.994,00	18,6%			
1	Xưởng chế biến thủy hải sản	1	3.011,0	6,2%	60	≤3	1.8
2	Xưởng chế biến bột cá	2	5.983,0	12,3%	60	≤3	1.8
IV.	Đất dịch vụ hậu cần nghề cá	A 3	10.640,00	21,9%			
1	Cửa hàng lưới ngư cụ, ki ốt, dịch vụ tổng hợp (S = 150m ²)	1-6; 13-18	1.800,0	3,7%	100	≤2	2.0
2	Cửa hàng lưới ngư cụ, ki ốt, dịch vụ tổng hợp (S = 200m ²)	7-12	1.200,0	2,5%	100	≤2	2.0

rdim

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xd tối đa (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SDD tối đa (lần)
3	Cửa hàng lưới ngư cụ, ki ốt, dịch vụ tổng hợp (S = 40m ²)	19-43	1.000,0	2,1%	100	≤2	2.0
4	Đường giao thông nội bộ, bãi đỗ xe	BDX	6.400,0	13,2%			
27	Rãnh thoát nước		240,0	0,5%			
V.	Đất Giao thông	GT	8.626,00	17,8%			

6. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

+ Tổ chức khu chức năng dịch vụ hậu cần nghề cá với các chức năng chính như sau:

- Khu vực Nhà tiếp nhận thủy hải sản – Chợ cá, bố trí tại khu vực phía Tây Nam ngay cạnh Khu neo đậu với điểm nhấn chính là 02 khu Nhà tiếp nhận thủy hải sản – Chợ cá với chiều cao xây dựng tối đa 03 tầng, đây là vị trí có lợi thế cho việc phục vụ công tác giao thương cho các hộ kinh doanh.

- Kho đông lạnh và Xưởng nước đá bố trí tiếp giáp ngay phía Đông Bắc của Nhà tiếp nhận thủy hải sản – Chợ cá với các mặt tiền hướng về Khu vực tiếp nhận thủy hải sản – Chợ cá và tuyến đường trục ngang của Khu neo đậu rộng 13,0m; tại các khu đất được phép xây dựng công trình nhà xưởng sản xuất kinh doanh với chiều cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa trong 1 hộ: 80%.

- Khu nhà Xưởng chế biến bột cá và Xưởng chế biến thủy hải sản bố trí tại khu vực phía Đông Bắc; tại các khu đất được phép xây dựng công trình nhà xưởng sản xuất kinh doanh với chiều cao tối đa 03 tầng, mật độ xây dựng tối đa trong 1 hộ: 60%.

- Khu nhà dịch vụ hậu cần nghề cá, ngư lưới cụ dịch vụ tổng hợp bố trí phía Bắc; tại các khu đất được phép xây dựng công trình nhà xưởng sản xuất kinh doanh với chiều cao tối đa 2 tầng, mật độ xây dựng trong 1 hộ: 100%.

- Đối với cây xanh đường phố và cây xanh sân bãi cho thuê: Tổ chức trồng nhiều cây xanh trong các khu đất, sân bãi cho thuê, trên vỉa hè các tuyến đường để tạo cảnh quan đồng thời để cải thiện điều kiện khí hậu. Khuyến khích trồng dải cây xanh phân chia giữa các khu vực Xưởng chế biến thủy hải sản, Xưởng chế biến bột cá với khu vực Dịch vụ hậu cần, cũng như khu vực Nhà tiếp nhận thủy hải sản - Chợ cá, phân chia đường giao thông nội bộ và đường giao thông cơ giới, có vai trò cản bụi, tiếng ồn, tạo không gian cây xanh nhiều lớp, nhiều tầng bậc, tăng diện tích bề mặt phủ bằng cây xanh với phần hè đường, sân vườn.

- Khuyến khích và quản lý việc sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, có giá trị thẩm mỹ cao.

ndm

+ Đối với phần đất kinh doanh xăng dầu nằm ở phía Đông Nam khu vực cảng cá (triển khai sau) khi thực hiện phải đảm bảo khoảng cách ly tối thiểu theo Nghị định 13/2011/NĐ-CP về an toàn công trình dầu khí trên đất liền và QCVN:01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo đồng bộ thống nhất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế trên cơ sở hồ sơ Quy hoạch chi tiết Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ tại thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1/2000.

7.1. San nền:

- Cao độ thiết kế san lấp mặt bằng được khống chế theo cao độ thiết kế của các tuyến đường bao quanh và khu neo đậu Cảng cá Nhật Lệ, xem xét điều chỉnh phù hợp với điều kiện địa hình.

- Đường đồng mức thiết kế san nền dựa trên cao độ thiết kế, căn cứ vào độ dốc dọc và độ dốc ngang mặt đường, vỉa hè của các tuyến đường xung quanh khu đất xây dựng và khu neo đậu Cảng cá Nhật Lệ. Độ dốc thoát nước thoát từ tuyến đường về phía sông Nhật Lệ.

+ Cao độ cao nhất trong khu vực quy hoạch: +4,38m

+ Cao độ thấp nhất: +3,04m.

+ Độ dốc san nền $i \geq 0.004$.

+ Cao độ san đắp trung bình: +0,4m.

7.2. Giao thông: Trên cơ sở tuyến đường đã có trên được quy hoạch mở rộng và nâng cao độ mặt đường, để khu vực quy hoạch được kết nối với các tuyến đường trong khu vực tạo thành một hệ thống giao thông hoàn chỉnh.

- Tuyến đường ven sông Nhật Lệ quy hoạch lộ giới 13,0m (mặt cắt 2-2).

+ Mặt đường: 7,00 m.

+ Lề đường, vỉa hè đi bộ: 2+4=6,00m.

- Tuyến đường đi vào Cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá lộ giới 11÷15m.

+ Mặt đường: 7,00 m.

+ Lề đường, vỉa hè đi bộ: 2x4,00m (mặt cắt 1-1).

+ Lề đường, vỉa hè đi bộ: 2+4=6,00m (mặt cắt 2-2).

+ Lề đường, vỉa hè đi bộ: 2x2,00m (mặt cắt 3-3).

- Cao độ khống chế các tim đường: 3,04 - 3,22m. Thoát nước về hướng Tây theo địa hình tự nhiên. Độ dốc dọc đường: 0,0009 - 0,006.

7.3. Cấp nước: Nguồn nước cấp cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ đường ống D160 theo quy hoạch trên đường Nguyễn Thị Định.

- Xây dựng tuyến ống cấp nước phân phối có đường kính D110 chạy theo mạng lưới vòng khép kín đảm bảo cấp nước trong khu vực quy hoạch.

ndem

- Các tuyến cấp nước dùng ống nhựa HDPE có đường kính D110 - D75. Ống cấp nước đặt trên vỉa hè với khoảng cách được xác định trên mặt cắt đường và hành lang kỹ thuật, cây xanh, chôn sâu từ 0.7 ÷ 1.0(m).

- Các họng cứu hỏa được đấu nối với đường ống cấp nước phân phối có đường kính $D \geq 100\text{mm}$ và được bố trí gần ngã ba, ngã tư đường, khu vực tập trung đông người.

- Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới theo quy chuẩn hiện hành, đảm bảo thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy.

Trước mắt hệ thống cấp nước chung chưa được đầu tư xây dựng, nguồn nước cho khu vực quy hoạch được lấy từ khu vực cấp nước nội bộ của cảng đã được xây dựng.

7.4. Thoát nước mưa:

- Hiện trạng toàn bộ nước mưa trong khu vực được thu gom bằng các mương hở chiều rộng $B=0.4\text{m}$, hố ga và cống bê tông cốt thép $D=0.4\text{m}$, xả ra 02 cửa xả đường kính 0.6m, thoát ra Sông Nhật Lệ; Mương hở xây gạch, nắp đậy bằng tấm chắc rác inox.

- Bố trí thêm các rãnh thoát nước chiều rộng $b=0.4\text{m}$ dọc các sân bê tông để thoát nước mặt khu sân bê tông chợ các và khu sân bê tông khu vực dịch vụ.

- Bám sát, dựa vào độ dốc của địa hình thiết kế hệ thống thoát nước mưa tự chảy.

7.5. Thoát nước thải:

a. Thoát nước thải: Nước thải từ khu vực chợ cá, khu chế biến theo hệ thống mương hở $b=0.4\text{m}$ hiện có, nắp đậy tấm inox, thoát về hệ thống xử lý nước thải hiện có của khu neo đậu. Riêng nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi được gom bằng hệ thống cống ngầm đường kính 250mm, thoát về nhà máy xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt tại các khu vực sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại mỗi hộ dân được thu gom vào các tuyến thoát nước thải bố trí phía sau hành lang kỹ thuật sau các lô đất.

- Cứ khoảng 20m – 30m bố trí một giếng thu để thu nước thải cho khoảng 2-4 hộ dân. Sau đó toàn bộ nước thải được thu gom về trạm bơm tăng áp của dự án, thoát theo hướng về trạm xử lý nước thải đã có trong khu vực.

- Bố trí hố các hố ga chờ sẵn để đấu nối nước thải của các khu vực khác theo định hướng quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước thải khu vực quy hoạch là hệ thống tự chảy đảm bảo độ dốc tối thiểu và vận tốc tối thiểu tránh gây tắc ống.

b. Thu gom rác thải và vệ sinh môi trường: Rác thải từ cơ sở chế biến bột cá, chế biến thủy hải sản và chợ cá được thu gom theo hệ thống thu gom rác thải khu vực, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Bố trí khu vực tập trung rác thải rắn tại phía Tây nam khu vực dự án.

UDEM

7.6. Cấp điện: Khu vực Cảng cá hiện nay có 01 trạm biến áp hạ thế công suất 250Kva, bổ sung thêm 01 trạm hạ thế công suất 1000Kva và bố trí đường dây hạ thế 0,4Kv phía sau hành lang kỹ thuật đến các dịch vụ và kho đông lạnh.

7.7. Quy hoạch thông tin liên lạc: Theo định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc. Từ host bưu điện trung tâm Đồng Hới bố trí hệ thống tuyến cáp dọc theo các tuyến đường để phân phối cho các khu chức năng.

Điều 2. Ban quản lý Cảng cá tỉnh Quảng Bình phối hợp với UBND xã Bảo Ninh tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị; Tài nguyên – Môi trường; Giám đốc Ban quản lý Cảng cá tỉnh Quảng Bình, thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT thành phố;
- Lưu VT, QLĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hòa Sơn

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới (Dự án Cảng cá Nhật Lệ) tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 25 tháng 7 năm 2018.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo Kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Việc thi công dự án phải theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ và đường thủy trong quá trình thi công và hoạt động của dự án.

4. Áp dụng các giải pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để giảm thiểu khả năng xói lở, bồi lấp ở những khu vực diễn ra các hoạt động đào đắp, thi công dự án. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu phát hiện có dấu hiệu xói lở, bồi lấp bất thường, chủ dự án phải ngừng ngay việc thi công và kịp thời báo cáo với các cơ quan chức năng có liên quan để tiến hành kiểm tra, phối hợp xử lý; chỉ được tiếp tục triển khai dự án khi có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thực hiện dự án; Thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Kế hoạch Bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới (Dự án Cảng cá Nhật Lệ) kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát./

Nơi nhận:

- Ban Quản lý dự án DTXD ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phòng TN&MT TP Đồng Hới;
- Lưu VT, CCMT₍₃₎.

GIÁM ĐỐC



Trần Phong

II. Nội dung bàn giao:

1. Tài liệu làm căn cứ bàn giao:

- Quyết định số 3898/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới (Dự án Cảng cá Nhật Lệ) giai đoạn I.

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – BVTC công trình được duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận kèm theo các biên bản xử lý kỹ thuật tại hiện trường, các bản vẽ điều chỉnh bổ sung liên quan hạng mục công trình;

- Hồ sơ hoàn công công trình Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới (Dự án Cảng cá Nhật Lệ) giai đoạn I do Liên danh Công ty TNHH XDTH Thắng Lợi và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Duy Thịnh lập ngày 30 tháng 12 năm 2019 đã được cán bộ giám sát ký xác nhận.

- Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng công trình số 08/LĐ-TH của Công ty TNHH đầu tư công nghệ Thiên Hoàng.

- Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của Sở GT-VT Quảng Bình tại Văn bản số 1266/SGTVT-CLCT ngày 26/5/2020 về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ (Dự án Cảng cá Nhật Lệ) giai đoạn I;

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 27/5/2020.

- Các hồ sơ tài liệu khác liên quan.

2. Qui mô và chất lượng xây dựng của công trình hoàn thành được bàn giao:

2.1 Quy mô đầu tư xây dựng và kết cấu công trình giai đoạn I:

a. Cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại công trình: Công trình giao thông – Cảng đường thủy nội địa.

- Cấp công trình: Công trình cấp III.

b. Thông số chính công trình:

b.1. Cầu tàu

Chiều dài $L=150\text{m}$, được chia thành 3 nhịp, mỗi nhịp 50m ; cao độ mặt cầu $+3,0\text{m}$ và cao độ đáy sông trước cảng $-3,25\text{m}$; cầu tàu được thiết kế dạng cầu bản, kết cấu BTCT M400 đặt trên nền cọc ống UST D500/300mm; chiều rộng cầu tàu $B=10\text{m}$, mặt cầu rộng $B=9,0\text{m}$, 2 phía bố trí gờ chắn xe bằng BTCT M300; trên cầu tàu bố trí 27 bích neo tàu loại 30T, có cấu tạo bằng thép ống chiều dày $\delta=10\text{mm}$, lõi đỡ BTCT M400 liền khối; đệm cập tàu bằng ống cao su đặc đường kính $D=300$, chiều dài $L=2,3\text{m}$.

11/10/2020

b.2. Cầu dẫn

Chiều dài $L=60\text{m}$ được chia thành 2 phân đoạn, mỗi phân đoạn 30m , cao độ cầu $+3,00\text{m}$; cầu dẫn vào cầu tàu được thiết kế dạng cầu bản bằng BTCT M400 trên cọc ống UST D500/300mm.

b.3. Đường vào cầu tàu

Nối từ đường Nguyễn Thị Định đi thẳng ra cầu tàu, chiều dài đoạn $L=347,53\text{m}$, chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 7,0\text{m}$, độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$; kết cấu mặt đường bằng bê tông M300 dày $0,2\text{m}$.

b.4. San mặt bằng

San một phần mặt bằng khu đất với tổng diện tích 10.633m^2 , cao trình san nền từ phía đường Nguyễn Thị Định $+6,76\text{m}$ xuôi về phía neo đậu $+3,00\text{m}$.

b.5. Hệ thống hạ tầng

Đường nội bộ, cấp và thoát nước, hệ thống xử lý nước thải; điện hạ thế.

- Hệ thống đường nội bộ: Tổng chiều dài $L= 372,5\text{m}$ (Tuyến T1 dài $L= 257\text{m}$ và tuyến T2 dài $L= 115,5\text{m}$); mặt đường 7m ; lề đường $2 \times 4\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$. Kết cấu bằng bê tông M300 dày $0,2\text{m}$.

- Hệ thống cấp nước: Xây dựng mới 01 bể chứa có dung tích 50m^3 với kích thước $(6,2 \times 9 \times 3,1\text{m})$, 02 giếng khoan và hệ thống đường ống HDPE.

- Hệ thống thoát nước thải: Tiết diện hình chữ nhật, kết cấu bằng gạch xây và BTCT M200, móng BTCT M200 để thu nước thải của 3 nhà tiếp nhận và phân loại vào hệ thống thoát nước thải đã có.

- Hệ thống xử lý nước thải: Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sinh học ở cuối nguồn thải với công suất $100\text{m}^3/\text{ng.đêm}$

- Hệ thống cấp điện: Bố trí hệ thống cáp điện bọc PVC đầu nối từ đường điện hạ thế đã có của Khu neo đậu (đã có) để cấp điện cho các hạng mục của Cảng cá.

b.6 Hệ thống phao tiêu báo hiệu

02 phao báo hiệu và 02 biển báo hiệu trên bờ.

b.7 Hệ thống Phòng cháy chữa cháy

Bố trí máy bơm chữa cháy di động, 12 bình bọt PCCC và 04 bảng tiêu lệnh

2.2 Chất lượng công trình xây dựng:

- Công trình Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới (Dự án Cảng cá Nhật Lệ) đã được Ban QLDA ĐTXD ngành NN&PTNT tổ chức nghiệm thu kỹ thuật.

- Các hồ sơ bàn giao: (i) hồ sơ thiết kế; (ii) Bản vẽ hoàn công. Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng công trình số 08/LĐ-TH của Công ty TNHH đầu tư công nghệ Thiên Hoàng.

3. Ý kiến của đơn vị quản lý sử dụng: Đối với hạng mục xử lý nước thải, Ban Quản lý Cảng cá tỉnh Quảng Bình không chịu trách nhiệm về các hư hỏng (nếu có) sau khi kết thúc thời gian bảo hành công trình xây dựng theo quy định nếu các hoạt động của Cảng cá chưa phát sinh nguồn nước thải qua hệ thống xử lý.

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**
Số: 447/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Bình, ngày 21 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và
Môi trường tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 234 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về thành lập Sở Nông nghiệp và Môi
trường tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh
Quảng Bình và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Bình;*

*Căn cứ Đề án số 218 /ĐA-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của UBND
tỉnh về thành lập, tổ chức lại một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc sở Nội vụ tại Công văn số 302/SNV-
XDCQ&TCBC ngày 20 tháng 02 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình theo các nội dung như sau:

1. Lãnh đạo Sở

a) Giám đốc sở là người đứng đầu Sở Nông nghiệp và Môi trường, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phó Giám đốc sở là người giúp Giám đốc sở phụ trách, chỉ đạo một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy nhiệm thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Số lượng Phó Giám đốc sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở, gồm:

a) Văn phòng sở;

- b) Thanh tra sở (có con dấu riêng để hoạt động);
- c) Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
- d) Phòng Quản lý đất đai;
- đ) Phòng Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số;
- e) Phòng Đo đạc, bản đồ và viễn thám;
- g) Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản;
- h) Phòng Khoáng sản, nước và biến đổi khí hậu;
- i) Phòng Quản lý môi trường.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và tương đương. Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương, số lượng biên chế công chức tối thiểu của mỗi phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Sở phải đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các Chi cục thuộc Sở, gồm:

- a) Chi cục Thủy sản, Biển, Hải đảo và Kiểm ngư (thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được UBND tỉnh giao cho Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về Biển, Hải đảo);
- b) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- c) Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- đ) Chi cục Kiểm lâm;
- e) Chi cục Thủy lợi;
- g) Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được UBND tỉnh giao cho Chi cục Phát triển nông thôn và nhiệm vụ giảm nghèo theo thẩm quyền).

Chi cục thuộc sở có tư cách pháp nhân, con dấu, trụ sở và tài khoản riêng để hoạt động; có Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng. Số lượng Phó Chi cục trưởng và số lượng biên chế công chức tối thiểu của Chi cục thuộc Sở phải đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, gồm:

a) Trung tâm Giống Nông nghiệp (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Giống vật nuôi và Trung tâm Giống thủy sản; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của 02 Trung tâm khi hợp nhất).

b) Trung tâm Quan trắc - Công nghệ thông tin Nông nghiệp và Môi trường (thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của 2 Trung tâm khi hợp nhất).

- c) Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- d) Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn;
- đ) Trung tâm Quy hoạch thiết kế Nông, lâm, thủy sản;
- e) Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường;
- g) Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư;
- h) Văn phòng Đăng ký đất đai;

HL

✓

i) Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá (thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý Cảng cá Quảng Bình và Trung tâm Đăng kiểm tàu cá; thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của 2 đơn vị khi hợp nhất);

k) Ban quản lý Khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe nước trong;

l) Ban quản lý Rừng phòng hộ Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình;

m) Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Môi trường (trên cơ sở đổi tên Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động, chịu sự lãnh đạo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và phân cấp quản lý hiện hành; có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giám đốc sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm căn cứ quy định của pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Trung tâm Tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Phong

